

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 17/2025/DSST
Ngày: 13/01/2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng
mượn tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Cẩm Hồng**

Bà **Trần Kim Chi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Thúy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông **Trần Việt Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 366/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản*”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 208/2024/QĐST-DS ngày 27/12/2024, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: ấp Bình Lạc, xã Thành Công, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

+ Bị đơn: **Lê Thị L**, sinh năm 1960

Địa chỉ: ấp Bình Lạc, xã Thành Công, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

(Ông T có mặt, bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn ông T trình bày:

Ngày 14/10/2023, bà Lê Thị L có mượn của ông 10 chỉ vàng 24k, có làm giấy tay là hợp đồng mượn vốn do bà L ký tên xác nhận, thời gian mượn là 03 tháng nhưng từ khi mượn đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng bà L không trả mặc dù ông nhiều lần đến đòi.

Nay, ông yêu cầu bà Lê Thị L trả số vàng 10 chỉ vàng 24k, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà L vắng mặt, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 494, 496 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà L có nghĩa vụ trả cho ông T 10 chỉ vàng 24k khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị L là tranh chấp hợp đồng mượn tài sản được xem xét giải quyết theo theo Điều 494 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn bà L vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập họp L đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bà.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Triệu yêu cầu bà L trả 10 chỉ vàng 24k khi án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu khởi kiện ông Tr, Hội đồng xét xử thấy rằng, giữa ông T, bà L có xác lập hợp đồng mượn tài sản nợ 10 chỉ vàng 24k với chứng cứ là hợp đồng mượn vốn ngày 14/10/2023 do bà L ký tên xác nhận. Theo thỏa thuận, bà L mượn thời hạn 03 tháng trả nhưng đến nay đã quá hạn trả nợ nhưng bà L không thực hiện mặc dù ông Triệu nhiều lần yêu cầu bà L trả, việc bà L kéo dài thời gian trả nợ đã làm thiệt thòi quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Tòa án nhiều lần mời bà L đến trình bày ý kiến, hòa giải đối với yêu cầu khởi kiện ông T nhưng bà vắng mặt không có lý do xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình cũng như bà L không phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, cần buộc bà L có nghĩa vụ trả cho ông T 10 chỉ vàng 24k là hoàn toàn có cơ sở phù hợp với Điều 496 Bộ luật dân sự.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, do bà L là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 nên được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 494, Điều 496 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Buộc bà Lê Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T 10 (Mười) chỉ vàng 24k khi án có hiệu lực pháp luật.

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn T được miễn nộp tạm ứng án phí nên không được hoàn lại.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng bà L kháng cáo kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Nông sở;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Phan Thanh Bình